

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PǺH
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 07 /2020/HNGĐ - ST

Ngày: 04/6/2020

“V/v “*Không công nhận là vợ chồng*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PǺH, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Thanh

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hoàng Thị Bình.

2. Ông Trịnh Văn Nguyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư PǺh, Gia Lai.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại Toà án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2020/TLST - HNGĐ, ngày 02/3/2020 về việc “*Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Lâm Anh D, sinh năm 1963;

Địa chỉ: phường I, thành phố P, tỉnh G. (có mặt)

Bị đơn: bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964.

Địa chỉ: thị trấn P, huyện C, tỉnh G. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2020, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lâm Anh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Lâm Anh D và bà Nguyễn Thị X tự nguyện tìm hiểu nhau và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến năm 1998 tại xã N, huyện AN, tỉnh B. Từ năm 1998 ông bà chuyển đến thị trấn P, huyện C, tỉnh G sống. Trong quá trình chung sống ông D và bà X sống ổn định, hạnh phúc. Đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà X và các con không quan tâm ông nên nhiều lúc ông cảm thấy cô đơn, nên vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng quan điểm, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, khó có thể hàn gắn được, nên cuối năm 2019 ông D chuyển về sống tại phường I, thành phố P, tỉnh G, ông và bà X đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay, không còn quan hệ tình cảm, kinh tế với nhau nữa, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình chung sống với nhau, ông bà chưa đi đăng ký kết hôn với nhau lần nào tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cũng không có cán bộ làm công tác pháp luật đến nhà tuyên truyền pháp luật cho ông bà phải đến Ủy ban nhân dân xã Phường để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Nay ông D

xét thấy không còn tình cảm yêu thương bà X nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà X.

Về con chung: ông D và bà X có 03 con chung là:

- Lâm Thị Thảo N, sinh ngày 20/12/1990; Lâm Ái P, sinh ngày 08/7/1992; Lâm Yến Nhi, sinh ngày 15/5/1993. Nay các con của ông bà đều đã thành niên và khỏe mạnh, tự lao động nuôi sống bản thân, không ai phải phụ thuộc bố mẹ, nên ông D không yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ nuôi con.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: ông D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Ông D tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra ông D không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà X và ông D tự nguyện tìm hiểu nhau sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến năm 1998 tại thôn Ngại Chánh, xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Từ năm 1998 đến nay ông bà sống tại thôn 1, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, Gia Lai. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông bà do bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp được với nhau, hay cãi nhau, ông D không đỡ đàn bà công việc nhà, một mình bà là trụ cột gia đình phải lo kinh tế trong gia đình và chăm lo con cái ăn học, từ đó cuộc sống vợ chồng ngày càng không còn tình cảm yêu thương nhau, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, cuối năm 2019 ông D không ở cùng với mẹ con bà nữa mà đi thuê nhà và sống riêng tại tổ 7, phường Ia Kring, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai, bà và ông D cũng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay, không còn quan hệ tình cảm, kinh tế với nhau nữa. Quá trình chung sống với nhau, bà X và ông D chưa đi đăng ký kết hôn với nhau lần nào tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cũng không có cán bộ làm công tác pháp luật đến nhà tuyên truyền pháp luật cho ông bà phải đến Ủy ban nhân dân xã Phường để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Nay bà X xét thấy không còn tình cảm yêu thương ông D nữa, nên ông D yêu cầu ly hôn với bà bà đồng ý.

Về con chung: bà X và ông D có 03 con chung:

- Lâm Thị Thảo N, sinh ngày 20/12/1990; Lâm Ái P, sinh ngày 08/7/1992; Lâm Yến N, sinh ngày 15/5/1993. Nay các con của ông bà đều đã thành niên và khỏe mạnh, tự lao động nuôi sống bản thân, nên bà X không yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ nuôi con.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: bà X không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lâm Anh D và bà Nguyễn Thị X đều thừa nhận ông bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 cho đến nay, không có đăng ký kết hôn. Việc sống chung giữa ông D và bà X không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là đã vi phạm vào các quy định về kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000 quy định: *Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi là cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này.*

Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý

Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Vợ chồng đã ly hôn muốn kết hôn lại với nhau cũng phải đăng ký kết hôn.

Nay ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị X thì HĐXX thấy rằng, việc ông D và bà X sống chung với nhau không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên Tòa án sẽ không giải quyết việc ly hôn, mà căn cứ quy định Tại điểm b Khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; điểm b mục 2 của Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc thi hành Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết. Do vậy, việc ông D và bà X tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét yêu cầu của ông D thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa ông D và bà X xảy ra nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2017 đến nay ông bà sống không hạnh phúc, không thể hòa hợp được với nhau, hay cãi nhau và đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, không còn quan hệ tình cảm, kinh tế với nhau nữa, mỗi người đã tự lo cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai, hiện nay mâu thuẫn giữa ông bà đã rất trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D, không công nhận ông D với bà X là vợ chồng.

[3] Về con chung: ông D và bà X có 03 con chung:

- Lâm Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 20/12/1990; Lâm Ái Phúc, sinh ngày 08/7/1992; Lâm Yến Nhi, sinh ngày 15/5/1993. Nay các con của ông bà đều đã thành niên và khỏe mạnh, tự lao động nuôi sống bản thân, không ai phải phụ thuộc bố mẹ, nên ông bà không yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ nuôi con. Do đó HĐXX không xem xét phân chia nghĩa vụ nuôi con.

[4] Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: ông D và bà X tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tiền án phí: án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng ông Lâm Anh D tự nguyện nộp toàn bộ để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 11; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2000; Điều 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lâm Anh D.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lâm Anh D và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng.

2/ Áp dụng điều 146; 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc ông Lâm Anh D phải nộp: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ ông Lâm Anh D đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai số: 0002795 ngày 02/3/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai (ông Lâm Anh D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định).

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/6/2020) lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Chư Păh;
- THADS huyện Chư Păh;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Kim Thanh

